|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG** | **CÂU** | **ĐƠN VỊ KIẾN THỨC** | | **MỨC ĐỘ**  **SỐ Ý HỎI** | | | | | | **ĐIỂM** | |
| **NB** | | **TH** | | **VD** | |
| **Chương I. Hàm số lượng giác và phương trình lượng giác.** | **1.**  **a/**  **b/**  **c/** | Cho giá trị  hoặc  với điều kiện góc  thuộc 1 trong 4 góc phần tư của đường tròn lượng giác.  — Giá trị lượng giác của góc .  — Giá trị lượng giác của công thức nhân đôi: .  — Giá trị lượng giác của công thức cộng góc . Chẳn hạn: | | 1 | | 1  1 | |  | | 3.0 | |
| **2.**  **a/**  **b/**  **c/**  **d/** | Giải các phương trình lượng giác cơ bản.  —  hoặc  —  hoặc  —  hoặc  —  hoặc | | 1  1 | | 1  1 | |  | | 3.0 | |
| **3.** | Toán ứng dụng thực tế. | |  | |  | | 1 | | 0.5 | |
| **4.** | Toán ứng dụng thực tế. | |  | |  | | 1 | | 0.5 | |
| **Chương IV. Đường thẳng và mặt phẳng. Quan hệ song song trong không gian.** | **5.**  **a/**  **b/** | Cho đúng hình chóp  có đáy  một trong hai dạng:  +  là hình bình hành.  +  là tứ giác lồi có các cặp cạnh đối không song song.  — Giao tuyến của hai mặt phẳng.  — Giao điểm của đường thẳng và mặt phẳng. | | 2 | | 1 | |  | | 3.0 | |
| **Số ý / điểm** | | |  | | **5/5.0** | | **5/4.0** | | **2/1.0** | | **10.0** | |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1, NH: 2024 – 2025**

**MÔN: TOÁN, LỚP 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút**